TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

- Bản án số: **184**/2024/DS-ST;
- Ngày: 19/6/2024
- V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Tái**;
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: **Trương Hoàng Hoa**
2. Ông: **Châu Văn Bình**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Sỹ Đăng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C không tham gia phiên tòa:*

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 243/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Hữu T, sinh năm 1967**

Địa chỉ: ấp Nhơn H, xã Hòa Đ, huyện C, tỉnh T

* *Đại diện theo ủy quyền*: **Nguyễn Thị Huỳnh N**, **sinh năm 1988** (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đăng Phong T, xã Đăng Hưng P, huyện C, tỉnh T

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị L, sinh năm 1954** (có mặt).

Địa chỉ: ấp An C, xã Hòa Đ, huyện C, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn cũng như qua biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Huỳnh N là đại diện nguyên đơn trình bày*:

Ông T có bán thức ăn chăn nuôi heo, bà L mua thức ăn chăn nuôi heo từ năm 2010 cho đến ngày 01/12/2018 thì chấm dứt việc mua bán. Theo thỏa thuận, ông T cung cấp thức ăn chăn nuôi cho đến khi xuất chuồng, bà L sẽ thanh toán tiền thức ăn. Quá trình mua bán, bà L có lúc thanh toán hết tiền, có lúc còn nợ lại,

dần dần đến ngày 01/12/2018 các bên tổng kết nợ, cụ thể bà L còn nợ là 46.130.000 đồng, nay ông T yêu cầu bà L trả số nợ 46.130.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông T không đồng ý việc bà L xin trả dần.

** Tại bản tự khai, qua hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà thừa nhận bà có mua thức ăn chăn nuôi và còn nợ tiền thức ăn của ông T là 46.130.000 đồng. Do việc chăn nuôi bị thua lỗ, hiện nay bà tuổi già, mất sức lao động, không có thu nhập nên bà chưa trả nợ cho ông T, bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông T khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 46.130.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*". Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện C nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C và được xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét thấy: tại phiên tòa, ông T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bà L trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 46.130.000 đồng. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bà L cũng thừa nhận bà có mua và còn nợ bà L số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 46.130.000 đồng do chăn nuôi bị thua lỗ nên bà không có tiền trả cho ông T và kéo dài từ 01/12/2018 đến nay chưa trả là vi phạm quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 46.130.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi:

Tại đơn khởi kiện, qua hòa giải và tại phiên tòa, ông T không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền nợ này. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về thời gian trả tiền:

Ông T yêu cầu bà L trả số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà L xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì kinh tế gia đình hiện đang rất khó khăn, bà tuổi già, mất sức lao động, không có thu nhập nên không khả năng trả nợ một lần.

Xét thấy bà L đã vi phạm nghĩa vụ của bên mua trong hợp đồng mua bán tài sản. Hơn nữa số nợ này, nếu để kéo dài sẽ gây thiệt thòi cho quyền, lợi ích của ông T, ông T không đồng ý cho trả dần nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T buộc bà L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên, bà L là người cao tuổi, thuộc diện được miễn án phí, bà L có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp thuận miễn án phí cho bà.

[6] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh T để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 430 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử**: **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu T.**

1. Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hữu T số tiền 46.130.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi ông Lê Hữu T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị L.

Hoàn lại cho ông Lê Hữu T số tiền 1.154.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007537 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh T để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

Phạm Văn Tài